

Bản án số: 60/2017/HSST
Ngày: 28 - 8 - 2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN THANH LIÊM - TỈNH H1 NAM

- TH1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Kim Anh.

2. Bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Trần Kim Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Thanh Liêm - tỉnh H1 Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Thanh Liêm tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Thanh Liêm, tỉnh H1 Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số **52/2017/HSST ngày 27 tháng 7 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2017/HSST-QĐ ngày 18/8/2017**, đối với bị cáo:

Nguyễn Đình T, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn HN, xã TH, Huyện Thanh Liêm, tỉnh H1 Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/5/2017 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1. Ông Lê Văn D - sinh năm 1960;

2. Bà Đỗ Thị Liêm - sinh năm 1962;

Đều trú tại: thôn LL, xã TB, Huyện Thanh Liêm, tỉnh H1 Nam. Tại phiên tòa vắng mặt bà Liêm, ông D có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Hoàng Anh T1 - sinh năm 1997; nơi ĐKKHKT: Thôn 2, xã MĐ, Huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; chỗ ở: Số nH1 171, đường LCT, tH1nh phố PL, tỉnh H1 Nam. Vắng mặt.

2. Chị Hồ Thị C - sinh năm 1981; nơi ĐKKHKT, chỗ ở: Tổ 5, phường MK, tH1nh phố PL, tỉnh H1 Nam. Vắng mặt.

3. Anh Phạm Văn Q - sinh năm 1982; nơi ĐKHKTT, chỗ ở: Tổ 4, phường LHP, tH1nh phố PL, tỉnh H1 Nam. Vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị Thu H1 - sinh năm 1981; nơi ĐKHKTT, chỗ ở: Tổ dân phố MT, phường LC, tH1nh phố PL, tỉnh H1 Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 15 phút ngày 18/5/2017, sau khi chơi điện tử ở quán internet trên địa bàn thôn HN, xã TH, Hện Thanh Liêm, tỉnh H1 Nam, Nguyễn Đình T nảy sinh ý định vào nH1 nào có sơ hở để trộm cắp tài sản. T đến quán tạp hóa của nH1 ông Lê Văn D, trèo lên cây bàng trước cửa rồi đi trên mái tôn và trèo xuống ngách bên hông trái nH1 ông D. Khi trèo xuống T thấy có 01 (một) cửa xếp bên cạnh bờ tường, trên cửa xếp có ô thoáng không bắn mái tôn nên T trèo lên bờ tường leo lên ô thoáng để trèo vào bên trong khu tạp hóa của gia đình ông D. T quan sát thấy khu tạp hóa được chia làm hai và được ngăn cách bằng cửa xếp đã đóng và các giá để H1ng, bên trên các giá để H1ng vẫn còn khoảng trống có thể trèo qua, nên T đã trèo qua các giá này vào khu bán bánh kẹo. T dùng điện thoại bật đèn soi tìm xung quanh thấy bên trong tủ kính ở góc quầy bán H1ng có một hộp giấy bên trong đựng nhiều thẻ nạp điện thoại gồm các loại Vinaphone, Viettel, Mobiphone. T lấy toàn bộ số thẻ điện thoại bỏ vào trong túi quần. Sau đó T tiếp tục quay sang bên trái tủ kính nhìn thấy 01 (một) hòm tôn không khóa. T mở hòm tôn thì thấy bên trong có nhiều tiền lẻ, T nhặt lấy 01 (một) cọc tiền mệnh giá 5.000đ (Năm nghìn đồng) được buộc bằng dây nịt và bỏ vào trong túi quần. Lấy xong số tiền và số thẻ điện thoại T theo đường cũ trèo ra ngoài về nH1 thay quần áo. Sau đó T lấy xe máy quay lại trước cửa nH1 ông D nhặt đôi dép T để quên và đi lên quán internet XGAME ở 171 LCT, PL, H1 Nam chơi điện tử. Tại đây T nạp 100.000đ (một trăm nghìn đồng) vào tài khoản game, 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền mặt còn lại T đổi cho anh Hoàng Anh T1 là nhân viên trông quán lấy tiền chặn. Sau đó T đi lên tầng 2 của quán sử dụng số thẻ nạp điện thoại đã trộm cắp được nạp vào 04 tài khoản của mình gồm: “anhtang113”; “hungcaro113”; “bienbong113”; “trungtang113” trên phần mềm trò chơi “Tipcub - Đại gia chơi bài” để chơi Rik trực tuyến. Trong khi chơi, T đã bán thẻ nạp điện thoại cho một người thanh niên T không biết tên tuổi, địa chỉ ngồi chơi bên cạnh được 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

Tài sản vật chứng thu giữ gồm:

Thu giữ trên người Nguyễn Đình T: 298.000đ (Hai trăm chín tám nghìn đồng).

Khám nghiệm hiện trường thu giữ: 01 (một) chiếc khăn chùm đầu kẻ ca rô đã cũ rách, 01 (một) chiếc vỏ hộp giấy đựng keo 502, 01 (một) USB chứa đoạn video ghi lại hình ảnh của Nguyễn Đình T đột nhập vào quán nH1 ông Lê Văn D trộm cắp tài sản.

Khám xét khăn cấp nơi ở của Nguyễn Đình T thu giữ: 01 (một) áo sơ mi dài tay kẻ sọc trắng đen đã cũ, 01 (một) quần đùi màu đen có kẻ sọc vàng hai bên đã cũ.

Ngoài ra Cơ quan điều tra còn tạm giữ của ông Lê Văn D: 01 (một) phiếu thu ghi ngày 17/5/2017; 01 (một) hóa đơn bán lẻ ngày 14/5/2017; 01 (một) quyền sở tay chăm sóc bán H1ng điểm bán, điểm giao dịch Viettel xã.

Căn cứ vào sổ thẻ nạp điện thoại ghi trên tờ phiếu thu; hóa đơn và trên quyền sở tay xác định sổ thẻ nạp điện thoại mà ông Lê Văn D đã mua: gồm 6.700.000đ (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền thẻ nạp điện thoại Vinaphone (25 thẻ mệnh giá 100.000đ; 05 thẻ mệnh giá 200.000đ; 26 thẻ mệnh giá 50.000đ; 50 thẻ mệnh giá 10.000đ; 70 thẻ mệnh giá 20.000đ); 2.874.000đ (hai triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền thẻ nạp điện thoại Mobiphone (50 thẻ mệnh giá 20.000đ; 20 thẻ mệnh giá 50.000đ; 10 thẻ mệnh giá 100.000đ); 4.745.000đ (Bốn triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền thẻ nạp Viettel (20 thẻ mệnh giá 100.000đ; 30 thẻ mệnh giá 50.000đ; 50 thẻ mệnh giá 20.000đ; 50 thẻ mệnh giá 10.000đ). Tổng số thẻ các loại được ông D mua với giá 14.319.000đ (Mười bốn triệu ba trăm mười chín nghìn đồng). Ông D khai sau khi mua sổ thẻ nạp trên thì ông và vợ chưa bán cho ai đã bị T trộm cắp mất. Ngoài sổ thẻ nạp mới mua ông D khai trong hộp đựng thẻ còn một sổ thẻ nạp điện thoại cũ chưa bán hết nhưng không có căn cứ để xác định được số lượng cụ thể. Đối với số tiền mất bị mất trộm ông D khai là 2.000.000đ (hai triệu đồng), tuy nhiên Nguyễn Đình T khai nhận chỉ lấy 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng). Ngoài lời khai của ông D, không có tài liệu nào khác chứng minh. Trên cơ sở tài liệu điều tra cơ quan điều tra đã chứng minh tổng giá trị tài sản Nguyễn Đình T lấy trộm của gia đình ông D là 14.569.000 đ. (Mười bốn triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

* Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Đình T đã khai nhận toàn bộ H1nh vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu. Mục đích của bị cáo trộm cắp để có tiền tham gia chơi điện tử.

Tại bản cáo trạng số 61/KSĐT ngày 26/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân Hện Thanh Liêm đã truy tố Nguyễn Đình T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Thanh Liêm giữ quyền công tố trình bày lời luận tội đối với bị cáo Nguyễn Đình T: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận H1nh vi của bị cáo như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo T về cơ bản phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó H1nh vi của bị cáo đủ yếu tố cấu tH1nh tội “Trộm cắp tài sản”. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Đình T từ 18 đến 24 tháng tù. Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo, buộc bị cáo phải trả

lại cho gia đình ông Lê Văn D, bà Đỗ Thị Liêm số tiền 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng) được trừ đi số tiền đã thu giữ trên người bị cáo là 298.000đ, như vậy bị cáo còn phải bồi thường cho ông D bà Liêm là 19.702.000đ. Bị cáo Nguyễn Đình T phải nộp án phí theo quy định. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc khăn chùm đầu kẻ ca rô đã cũ rách, 01 (một) chiếc vỏ hộp giấy đựng keo 502, 01 (một) áo sơ mi dài tay kẻ sọc trắng đen đã cũ; 01 (một) quần đùi màu đen có kẻ sọc vàng hai bên đã cũ. Trả lại gia đình ông D, bà Liêm số tiền 298.000 đồng do T bán thẻ nạp điện thoại trộm cắp. Các tài liệu chứng cứ khác được đưa vào hồ sơ vụ án.

Bị cáo T không có ý kiến tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về H1nh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Hện Thanh Liêm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Hện Thanh Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về H1nh vi, quyết định của Cơ quan tiến H1nh tố tụng, người tiến H1nh tố tụng. Do đó, các H1nh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến H1nh tố tụng, người tiến H1nh tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ H1nh vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Với mục đích để có tiền chơi game, rạng sáng ngày 18/5/2017, Nguyễn Đình T đã lén lút đột nhập vào cửa H1ng tạp hóa của gia đình ông Lê Văn D để trộm cắp thẻ nạp điện thoại và tiền mặt, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 14.569.000đ (Mười bốn triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

[3] H1nh vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới quyền quản lý tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, đồng thời ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. H1nh vi của Nguyễn Đình T đủ yếu tố cấu tH1nh tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân Hện Thanh Liêm truy tố Nguyễn Đình T là đúng người, đúng tội.

[4] Xem xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo tH1nh khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Qua xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ H1nh vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, để thực hiện H1nh vi phạm tội, bị cáo chọn thời gian vào nửa đêm tối, khi mọi người đã đi ngủ, không có người trông coi. Như vậy chứng tỏ bị cáo đã có sự tính toán chuẩn bị chu đáo trước khi thực hiện H1nh vi phạm tội. Cần thiết phải tuyên một mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm dẫn dắt giáo dục và phòng ngừa chung trong cộng đồng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có công ăn việc làm, không có nguồn thu nhập nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét yêu cầu của ông Lê Văn D, bà Đỗ Thị Liêm yêu cầu Nguyễn Đình T phải bồi thường cho gia đình ông bà tổng số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) bao gồm giá trị thẻ nạp điện thoại các loại và số tiền mặt T đã trộm cắp. Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí bồi thường cho gia đình người bị hại tổng số tiền là 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng) như người bị hại yêu cầu được trừ đi số tiền đã thu giữ trên người bị cáo. Xét thấy quan điểm của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này của bị cáo, nên buộc bị cáo phải bồi thường cho gia đình ông Lê Văn D, bà Đỗ Thị Liêm số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) được trừ đi số tiền thu giữ của bị cáo do bán thẻ trộm cắp là 298.000đ (Hai trăm chín mươi tám ngàn đồng). Như vậy bị cáo còn phải bồi thường cho ông D bà Liêm là 19.702.000đ (Mười chín triệu bảy trăm linh hai ngàn đồng).

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) chiếc khăn trùm đầu kẻ ca rô đã cũ rách, 01 (một) chiếc vỏ hộp giấy đựng keo 502, 01 (một) áo sơ mi dài tay kẻ sọc trắng đen đã cũ, 01 (một) quần đùi màu đen có kẻ sọc vàng hai bên đã cũ không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) USB chứa đoạn video ghi lại hình ảnh của Nguyễn Đình T đột nhập vào quán nH1 ông Lê Văn D trộm cắp tài sản; 01 tờ hóa đơn bán lẻ ngày 14/5/2017; 01 tờ phiếu thu ngày 17/5/2017 và 01 quyển sổ tay ghi số lượng

thẻ nạp điện thoại là các tài liệu chứng cứ chứng minh H1nh vi phạm tội của bị cáo cần được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với 298.000đ (Hai trăm chín mươi tám nghìn đồng) thu giữ trên người Nguyễn Đình T xác định đây là tiền do T bán thẻ nạp điện thoại và tiền do trộm cắp của gia đình ông D mà có. Do vậy cần trả lại số tiền này cho gia đình ông D.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/5/2017.

Áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam Nguyễn Đình T 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi H1nh án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo, buộc Nguyễn Đình T phải bồi thường cho ông Lê Văn D, bà Đỗ Thị Liêm số tiền 19.702.000đ (Mười chín triệu bảy trăm linh hai nghìn đồng).

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc khăn chùi đầu kẻ ca rô đã cũ rách, 01 (một) chiếc vỏ hộp giấy đựng keo 502, 01 (một) áo sơ mi dài tay kẻ sọc trắng đen đã cũ, 01 (một) quần đùi màu đen có kẻ sọc vàng hai bên đã cũ.

Trả lại ông Lê Văn D, bà Đỗ Thị Liêm số tiền 298.000 đ (Hai trăm chín mươi tám nghìn đồng).

(Tình trạng vật chứng như trong Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02/8/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Hện Thanh Liêm với Chi cục Thi H1nh án Dân sự Hện Thanh Liêm và ủy nhiệm chi ngày 02/8/2017).

4. Án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 985.000 đ (Chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa,

được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi H1nh án có quyền chủ động ra quyết định thi H1nh án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi H1nh án của người được thi H1nh án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi H1nh án) cho đến khi thi H1nh án xong tất cả các khoản tiền, H1nh thánh bên phải thi H1nh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi H1nh án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi H1nh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi H1nh án dân sự thì người được thi H1nh án dân sự, người phải thi H1nh án dân sự có quyền thỏa thuận thi H1nh án, quyền yêu cầu thi H1nh án, tự nguyện thi H1nh án hoặc bị cưỡng chế thi H1nh án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi H1nh án dân sự; thời hiệu thi H1nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi H1nh án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H1 Nam;
- VKSND Hện Thanh Liêm;
- Công an Hện Thanh Liêm;
- Chi cục THA DS Hện Thanh Liêm;
- Sở tư pháp tỉnh H1 Nam;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuyên